|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /ĐA-STNMT | *An Giang, ngày tháng năm 2024* |

**ĐỀ ÁN**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ pháp lý**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số*[*07/2023/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-56-2018-tt-btc-che-do-thu-nop-phi-tham-dinh-bao-cao-danh-gia-tac-dong-moi-truong-386191.aspx)*ngày 02 tháng 2 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;*

*Căn cứ* *Thông tư số [38/2023/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-56-2018-tt-btc-che-do-thu-nop-phi-tham-dinh-bao-cao-danh-gia-tac-dong-moi-truong-386191.aspx" \o "Thông tư 56/2018/TT-BTC" \t "_blank) ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;*

*Căn cứ Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2021* *của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [191/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-191-2016-tt-btc-phi-tham-dinh-danh-gia-tru-luong-khoang-san-giay-phep-hoat-dong-khoang-san-319380.aspx" \o "Thông tư 191/2016/TT-BTC" \t "_blank) ngày 08 tháng 11 năm 2016 của bộ trưởng bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và Thông tư số*[*56/2018/TT-BTC*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-56-2018-tt-btc-che-do-thu-nop-phi-tham-dinh-bao-cao-danh-gia-tac-dong-moi-truong-386191.aspx)*ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;*

*Căn cứ Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh về Ban hành chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh,*

**2. Sự cần thiết ban hành đề án**

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022. Theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020) và có thẩm quyền thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các cơ sở khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện*”. Mặt khác, theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Luật phí và lệ phí, đồng thời có trách nhiệm xây dựng Đề án thu phí, lệ phí trình sở chủ quản chuyên ngành với các loại phí, lệ phí do HĐND cấp tỉnh quyết định để đảm bảo thi hành Luật Phí, lệ phí.

Đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2023 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023, bãi bỏ Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và Thông tư số 07/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2023, bãi bỏ Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để tổ chức thu, nộp các phí thẩm định này theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Do đó, để kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Gianglà phù hợp.

**II. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG; PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**1. Quy định về đánh giá tác động môi trường**

*1.1. Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:*

Căn cứ Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các đối tượng sau phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: Dự án đầu tư nhóm II tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này;

Quy định đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường nêu trên được quy định cụ thể tại Mục II, III và IV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

*1.2. Thời gian đánh giá tác động môi trường:*

Căn cứ Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định thời hạn của Báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau: Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

*1.3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường:*

Căn cứ Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của mình.

**2.** **Quy định về phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản**

*2.1. Đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản:*

Căn cứ Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các đối tượng sau phải thực hiện lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc có thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được phê duyệt;

c) Cơ sở khai thác khoáng sản hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành đã được phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường nhưng kinh phí không đủ để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quy định đối tượng phải thực hiện lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản nêu trên được quy định cụ thể tại Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

*2.2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản:*

Căn cứ khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các cơ sở khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

*1.1. Đối tượng áp dụng:*

Đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân là chủ dự án, chủ cơ sở có hoạt động liên quan đến việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

*1.2. Người nộp phí*

Các tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 30, Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

*1.3. Tổ chức thu phí:* Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí thẩm định.

*1.4. Trường hợp miễn, giảm nộp phí:* Không.

*1.5. Phương thức cung cấp dịch vụ:*

Chủ dự án/cơ sở nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, lập biên nhận hồ sơ (có hẹn ngày trả kết quả), lập phiếu thẩm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện, không tiếp nhận, không thu phí và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ. Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và thông báo cho chủ dự án nộp phí thẩm định trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định. Chủ dự án/cơ sở nộp phí trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Sở Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc nhà nước.

**2. Chi phí của hoạt động thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản:**

*2.1. Chi công tác tổ chức hội đồng thẩm định:*

Chi phí cho việc họp Hội đồng thẩm định bao gồm:

- Thù lao cho việc nghiên cứu và viết nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định;

- Chi phí đi lại, lưu trú cho các thành viên khảo sát tại dự án, cơ sở;

- Chi phí khác cuộc họp Hội đồng thẩm định để đánh giá hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung của chủ đầu tư dự án.

*2.2. Chi công tác khác:*

- Chi phí giao dịch với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan để tham khảo ý kiến;

- Chi phí đăng thông tin công khai nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường trên trang thông tin điện tử.

- Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện thẩm định như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú); chi phí chuyển hồ sơ thẩm định cấp Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản đến cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thẩm định;

- Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện thu phí; chi thuê phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thẩm định trong điều kiện không có hoặc không đủ để phục vụ công tác thẩm định;

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu;

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**3. Mức thu phí**

*3.1. Nguyên tắc xác định mức thu phí*

Nguyên tắc chỉ đạo xác định mức thu phí quy định tại Điều 8, Luật Phí và Lệ phí là ”*đảm bảo bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hộicủa Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân*”.

Trên cơ sở nguyên tắc chỉ đạo, mức thu phí được xác định trong Đề án này phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về phí và lệ phí;

- Đảm bảo công bằng trong việc nộp phí;

- Được tính đủ để đảm bảo ở mức tối thiểu chi trả cho tất cả các hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Đáp ứng được yêu cầu trước mắt và đồng thời phải thích ứng được với sự biến đổi có thể xảy ra trong tương lai;

- Phù hợp với khả năng đóng góp của đối tượng nộp phí;

- Cụ thể và dễ dàng cho việc tính toán, thu phí.

*3.2. Căn cứ xác định mức phí trong đề án này*

Căn cứ quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thực thi Luật Bảo vệ môi trường, mức phí xác định trong đề án này căn cứ các tiêu chí sau:

- Thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Hình thức: Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nội dung các hoạt động phải thực hiện đối với thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản: Khối lượng công việc của hoạt động xem xét, nghiên cứu hồ sơ, phân tích số liệu, khảo sát thực tế; Tính phức tạp về mặt môi trường liên quan đến loại hình sản xuất.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động thu phí;

- Mức thu phí đảm bảo tương quan với mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường tại Thông tư số 38/2023/TT-BTC và Thông tư số 07/2023/TT-BTC;

Tham khảo mức thu phí của các địa phương liền kề để bảo đảm sự hài hòa giữa các địa phương;

**4. Dự kiến mức thu phí:**

*4.1. Đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh:*

Để đảm bảo sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham khảo mức thu phí thẩm định của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng, qua đó thống nhất lựa chọn mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của tỉnh Kiên Giang để xây dựng, đề xuất mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng vốn đầu tư**  (tỷ VNĐ)  **Mức thu**  (triệu đồng) | **Đến 10** | **Trên 10 đến 20** | **Trên 20 đến 50** | **Trên 50 đến 100** | **Trên 100 đến 200** | **Trên 200 đến 500** | **Trên 500** |
| Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng. | 6,0 | 10,0 | 17,0 | 21,0 | 23,0 | 25,5 | 28,0 |
| Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông). | 7,5 | 10,5 | 17,5 | 22,0 | 24,0 | 26,5 | 29,0 |
| Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi. | 8,0 | 11,0 | 18,0 | 22,5 | 24,5 | 27,5 | 30 |
| Nhóm 4.  Dự án giao thông. | 8,5 | 11,5 | 18,5 | 23,0 | 25,5 | 28,0 | 31,0 |
| Nhóm 5.  Dự án công nghiệp. | 9,0 | 12 | 19 | 24 | 26,5 | 29 | 32 |
| Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên). | 5,0 | 7,0 | 12 | 15 | 16,5 | 18,0 | 20 |

Lưu ý, Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất

*4.2. Đối với các dự án/cơ sở thuộc thẩm quyền phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh:*

Để đảm bảo sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham khảo mức thu phí thẩm định của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng và đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản (gồm có đá núi, cát sông), qua đó thống nhất lựa chọn mức thu phí thẩm định phương án của tỉnh Kiên Giang để xây dựng, đề xuất mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho các dự án trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tổng vốn đầu tư dự án**(tỷ đồng) | **Mức phí**(triệu đồng) |
| 1 | Đến 10 | 6,0 |
| 2 | Trên 10 đến 20 | 9,0 |
| 3 | Trên 20 đến 50 | 15,0 |
| 4 | Trên 50 đến 100 | 22,0 |
| 5 | Trên 100 đến 200 | 25,0 |
| 6 | Trên 200 đến 500 | 27,0 |
| 7 | Trên 500 | 30 |

*4.3. Phương án thu phí:*

Phương án thu phí được đề xuất như sau:

- Những tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản phải nộp phí cho cơ quan thường trực thẩm định.

- Phí được nộp đủ một lần sau khi có giấy báo nộp phí của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản có nhiệm vụ tổ chức thu phí theo quy định.

*4.4. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp, hiệu quả thu phí, lệ phí:*

Việc đóng góp mang tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp giảm các chi phí phát sinh trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước và bù đắp một phần chi phí cho hoạt động bảo vệ môi trường.

*4.5. Tỷ lệ để lại:* Cơ quan thu phí được để lại 90% trong tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công tác thẩm định và thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí; nộp 10% tổng số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

**8. Chế độ quản lý, sử dụng**

*8.1. Quản lý và sử dụng phí thu được:* Nguồn thu từ phí được quản lý và sử dụng theo các quy định hiện hành về quản lý tài chính.

*8.2. Chứng từ thu phí:* Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại hóa đơn, dịch vụ, chứng từ thu tiền phí, lệ phí.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1.Thời điểm áp dụng: từ ngày ... tháng .... năm 2024.

2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ [Nghị quyết 23/2018/NQ-HĐND quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh An Giang](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-quyet-23-2018-NQ-HDND-phi-tham-dinh-phuong-an-cai-tao-phuc-hoi-moi-truong-An-Giang-405029.aspx) và [Nghị quyết 22/2018/NQ-HĐND quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh An Giang](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Nghi-quyet-22-2018-NQ-HDND-quan-ly-su-dung-phi-tham-dinh-danh-gia-tac-dong-moi-truong-An-Giang-405027.aspx)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp, Sở Tài chính;  - Ban Giám đốc;  - PQLMT, Phòng KHTC;  - Phòng KS, N&BĐKH;  - Lưu: VT. | **GIÁM ĐỐC** |

**PHỤ LỤC**

**Mức chi cho công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và**

**phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Đề án số /ĐA-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

*Đơn vị: đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **A** | **Chi phí trực tiếp** |  |  | **90%** | **9.220.000** |  |
| **I** | **Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện thẩm định, thu Phí** |  |  |  |  |  |
| **1** | Văn phòng phẩm phục vụ thẩm định (điện thoại, tem, giấy, phong bì, in, phô tô tài liệu, cặp đựng tài liệu, công khai thông tin..) | Hồ sơ | 1 | 100.000 | **100.000** | Thực tế |
| **2** | ***Chi phí khảo sát hiện trường để kiểm chứng thông tin hiện trạng môi trường*** |  |  |  | **3.900.000** |  |
|  | Chi phí thuê xe đi lại (tính trung bình) | Lượt | 1 | 1.650.000 | 1.650.000 | Thực tế |
|  | Công tác phí cho cán bộ khảo sát hiện trường | Người | 15 | 150.000 | 2.250.000 | Quyết định số 180/QĐ-STNMT ngày 01/3/2023 |
| **3** | Họp Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường |  |  |  | **5.220.000** |  |
| 3.1 | Chi cho đại biểu dự họp |  |  |  | **4.200.000** |  |
| - | Chủ tịch Hội đồng | người/buổi | 1 | 550.000 | 550.000 | Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh An Giang |
| - | Phó Chủ tịch Hội đồng | người/buổi | 1 | 450.000 | 450.000 |
| - | Thư ký hội đồng | người/buổi | 1 | 200.000 | 200.000 |
| - | Thành viên | người/buổi | 12 | 200.000 | 2.400.000 |
| - | Đại biểu được mời tham dự | người/buổi | 6 | 100.000 | 600.000 |
| 3.2 | Văn phòng phẩm |  |  |  | **1.020.000** |  |
| - | Nước uống | người | 21 | 20.000 | 420.000 | Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang |
| **-** | Gửi hồ sơ tài liệu cho thành viên Hội đồng thẩm định, chuyên gia qua đường bưu điện (Hồ sơ gồm Mẫu Bản nhận xét, Hồ sơ) | người | 12 | 50.000 | 600.000 | Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016  Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 |
| **B** | **Trích nộp vào ngân sách nhà nước** |  |  | **10%** | **1.024.444,4** |  |
|  | **Tổng cộng A + B** |  |  | **100%** | **10.244.444,4** |  |
|  | **Làm tròn** |  |  |  | **10.250.000** |  |